

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THAN UYÊN TỈNH LAI CHÂU Số: 12/2018/QĐST-HNGĐ	CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM <u>Độc lập - Tự do - Hạnh phúc</u> <i>Than Uyên, ngày 08 tháng 02 năm 2018</i>
---	---

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 17/2018/ TLST- HNGĐ ngày 24 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị T, sinh năm: 1975;

Bị đơn: Anh C, sinh năm: 1978;

Đều cư trú tại: Bản m xã M huyện T, tỉnh Lai Châu;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 4 Điều 147 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 31 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị T và anh C.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:
 - Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh C thuận tình ly hôn.
 - Về con chung:

Cháu: Phan Văn Tâm, sinh năm 1996 đã thành niên.

Chị T có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu V, sinh ngày 08/12/2004 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động);

Anh C có quyền, nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung chưa thành niên là cháu L, sinh ngày 14/9/2002 đến khi thành niên (đủ 18 tuổi và có khả năng lao động);

Chị T và anh C không yêu cầu nhau có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị Thơ và anh Chài có quyền yêu cầu nhau cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình;

Sau khi ly hôn chị T và anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh C không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Chị T và anh C mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Ghi nhận sự thỏa thuận của chị T và anh C để chị T nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số: AA/2010/0002923 ngày 24/01/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Than Uyên, tỉnh Lai Châu. Chị T được hoàn trả lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Dương sự*;
- *TA tỉnh*;

THẨM PHÁN

- VKS huyện TU;
- THA huyện TU;
- UBND xã M
- Lưu hồ sơ vụ án.

Giang Thị Vượng